TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày 24-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện huyện VB tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Văn K; nơi cư trú: Thôn TH, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*:

Ông Vũ Xuân Đ; nơi cư trú: Thôn VH, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bà Trần Thị P; nơi cư trú: Thôn TH, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Đặng Văn K trình bày: Vào ngày 15-11-2019 âm lịch tức ngày 10-12-2019 dương lịch, ông có cho bà Trần Thị P và ông Vũ Xuân Đ vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để ông Đ, bà P làm ăn chung. Việc vay nợ được lập thành văn bản có xác nhận hai bên. Về lãi suất, hai bên thỏa thuận 1%/tháng nhưng không được lập thành văn bản, khi nào ông lấy thì báo trước cho ông Đ, bà P. Năm 2020 ông Đ và bà P đã thanh toán trả ông được 13.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền còn lại và khoản lãi suất ông đòi nhiều lần nhưng ông Đ, bà P không trả. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà P phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả ông số tiền vay gốc còn lại là 17.000.000 đồng và khoản lãi suất tính từ tháng 01/2021 đến tháng 5/2023. Cụ thể: 17.000.000 đồng x 29 tháng x 10%/năm = 4.108.333 đồng. Tổng tiền gốc và lãi: 17.000.000 đồng + 4.108.333 đồng = 21.108.333 đồng. Chia phần ông Đ và bà P mỗi người phải trả ông số tiền là: 10.554.166 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Xuân Đ trình bày: Vào ngày 15-11-2019 âm lịch tức ngày 10-12-2019 ông và bà Trần Thị P có vay ông Đặng Văn K ở Thôn TH, xã TD số tiền là 30.000.000 đồng để làm ăn chung. Việc vay nợ được lập thành văn bản có xác nhận của ông và bà P, hai bên không thỏa thuận lãi suất, khi nào ông K lấy thì báo trước. Đến năm 2020 ông đã trả ông K được 13.000.000 đồng, còn nợ 17.000.000 đồng. Nay ông K khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi ông đồng ý trả ông K 9.000.000 đồng, bà P trả ông K 8.000.000 đồng, ông không đồng ý trả số tiền lãi. Đối với việc làm ăn chung giữa ông và bà P ông tự giải quyết với bà P.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị P trình bày: Vào ngày 15-11-2019 âm lịch tức ngày 10-12-2019 dương lịch bà và ông Vũ Xuân Đ ở Thôn VH, xã CM có vay của ông Đặng Văn K ở Thôn TH, xã TD số tiền là 30.000.000 đồng để làm ăn chung. Việc vay nợ được lập thành văn bản có xác nhận của hai bên. Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận 1%/tháng nhưng không được lập thành văn bản, khi nào ông K lấy thì báo trước. Sau khi vay được tiền, ông Đ là người quản lý số tiền này. Năm 2020 bà đã trả ông K được 13.000.000 đồng. Nay ông K yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải trả ông K số tiền gốc còn lại và lãi theo quy định của pháp luật. Đối với việc làm ăn chung giữa bà và ông Đ bà sẽ tự giải quyết với ông Đ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau;

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ việc xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng theo đúng quy định; bị đơn không tham gia đầy đủ các hoạt động tố tụng của Tòa án, tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Xuân Đ vắng mặt không có lý do, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26, Điều 6, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Vũ Xuân Đ và bà Trần Thị P phải liên đới thanh toán trả ông Đặng Văn K số tiền vay gốc còn lại là 17.000.000 đồng và khoản lãi suất tính từ tháng 01/2021 đến tháng 5/2023 là 4.108.333 đồng, tổng gốc và lãi là 21.108.333 đồng. Chia phần ông Đ và bà P mỗi người phải trả ông K số tiền là: 10.554.166 đồng. Về án phí: Ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ và bà P mỗi người phải chịu 527.708 đồng án phí dân sự sơ thẩm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Trần Thị P, cư trú tại Thôn TH, xã TD, huyện VB, thành phố Hải Phòng, ông Vũ Xuân Đ, cư trú tại Thôn VH, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Vũ Xuân Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Vũ Xuân Đ, bà Trần Thị P.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp có đủ cơ sở khẳng định: Vào ngày 15-11-2019 âm lịch tức ngày 10-12-2019 dương lịch, ông Đặng Văn K có cho bà Trần Thị P và ông Vũ Xuân Đ vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để ông Đ và bà P làm ăn chung, hai bên không thỏa thuận lãi suất, khi nào ông K lấy thì báo trước. Năm 2020 ông Đ, bà P đã trả ông K được 13.000.000 đồng, từ đó đến nay ông K đòi nhiều lần nhưng ông Đ, bà P không thanh toán trả nợ. Nay ông K yêu cầu ông Đ, bà P thanh toán số tiền vay còn lại là 17.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đề nghị bà P trả ông K 8.000.000 đồng, ông trả ông K 9.000.000 đồng, bà P đề nghị ông Đ phải trả cả số tiền gốc còn lại là 17.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông K đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà P phải liên đới trả số tiền vay gốc còn lại là 17.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự được chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Ông Đặng Văn K yêu cầu ông Vũ Văn Đ, bà Trần Thị P phải thanh toán trả khoản tiền lãi của số tiền vay gốc còn lại là 17.000.000 đồng từ tháng 01/2021 đến tháng 5/2023 là 10%/năm. Cụ thể: 17.000.000 đồng x 10%/năm x 29 tháng = 4.108.333 đồng; tổng gốc và lãi là 17.000.000 đồng + 4.108.333 đồng = 21.108.333 đồng. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu tính lãi suất của ông K đề nghị áp dụng mức lãi là 10%/năm là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận. Do đó, buộc ông Đ, bà P phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả ông K số tiền nợ gốc và nợ lãi 21.108.333 đồng đồng, chia phần ông Đ và bà P mỗi người phải trả ông K số tiền là: 10.554.166 đồng là phù hợp.

[5] Về án phí: Theo quy đinh tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26, Điều 12, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật người cao tuổi. Ông Đặng Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông K là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được nên được miễn nộp án phí. Bà P, ông Đ mỗi người phải chịu 527.708 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 12, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Tuyên xử:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K, buộc ông Vũ Văn Đ và bà Trần Thị P phải có trách nhiệm liên đới trả ông Đặng Văn K số tiền là 21.108.333 đồng, chia phần ông Vũ Văn Đ phải trả ông Đặng Văn K số tiền là: 10.554.166 đồng, làm tròn là 10.554.000 đồng (Mười triệu, năm trăm lăm mươi bốn nghìn đồng); bà Trần Thị P phải trả ông Đặng Văn K số tiền là: 10.554.166 đồng, làm tròn là 10.554.000 đồng (Mười triệu, năm trăm lăm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Án phí:

- Ông Đặng Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông K là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị P phải chịu 527.708 đồng (Năm trăm hai bẩy nghìn, bảy trăm linh tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Vũ Văn Đ phải chịu 527.708 đồng (Năm trăm hai bẩy nghìn, bảy trăm linh tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo lên tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người đựoc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB, TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền